



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III / 2017

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, QL1K, Phường Bình An, TX Dĩ An, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,105,831,979,008	1,148,137,551,879
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	2,597,234,399	14,710,272,248
1. Tiền	111		1,592,843,496	13,744,474,152
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,004,390,903	965,798,096
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	-	3,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		786,694,590,560	820,450,406,346
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		466,059,825,076	505,399,188,293
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		105,565,042,796	98,453,843,062
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		108,216,942,405	96,156,355,757
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3	277,757,932,894	291,346,171,845
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(170,905,152,611)	(170,905,152,611)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		316,182,365,433	309,975,546,985
1. Hàng tồn kho	141	4	319,689,636,823	313,482,818,375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,507,271,390)	(3,507,271,390)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		357,788,616	1,326,300
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		356,462,316	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,326,300	1,326,300
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, QL1K, Phường Bình An, TX Dĩ An, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		520,615,575,447	500,916,721,490
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,163,540,288	4,115,636,288
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		4,163,540,288	4,115,636,288
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	5	63,184,171,388	62,304,383,835
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5a	14,760,521,814	18,893,097,922
- Nguyên giá	222		102,359,005,330	112,812,193,798
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87,598,483,516)	(93,919,095,876)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5b	48,423,649,574	43,411,285,913
- Nguyên giá	225		54,775,901,702	44,555,189,708
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6,352,252,128)	(1,143,903,795)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		93,495,278,400	93,495,278,400
- Nguyên giá	231		93,495,278,400	93,495,278,400
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		139,802,934,767	119,730,380,963
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	139,802,934,767	119,730,380,963
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	212,980,000,000	213,826,510,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		212,500,000,000	212,500,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,050,000,000	2,896,510,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1,570,000,000)	(1,570,000,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6,989,650,604	7,444,532,004
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	6,858,219,104	7,313,100,504
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		131,431,500	131,431,500
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,626,447,554,455	1,649,054,273,369

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877, QL1K, Phường Bình An, TX Dĩ An, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,099,899,063,974	1,127,418,815,870
I. Nợ ngắn hạn	310		1,074,853,747,649	1,103,504,318,568
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		287,076,101,170	354,877,514,002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		134,186,279,056	83,825,867,894
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	- 9	14,636,510,172	3,485,719,686
4. Phải trả người lao động	314		12,059,996,166	14,282,678,114
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		28,380,167,601	23,722,806,402
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		224,979,319,480	30,476,954,005
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10a	371,175,094,247	590,203,679,231
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,360,279,757	2,629,099,234
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		25,045,316,325	23,914,497,302
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	10b	24,643,166,465	23,512,347,442
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		402,149,860	402,149,860
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TH
T
AN
VI
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, QL1K, Phường Bình An, TX Dĩ An, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		526,548,490,481	521,635,457,499
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	526,548,490,481	521,635,457,499
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329,935,500,000	329,935,500,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329,935,500,000	329,935,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(559,957,325)	(559,957,325)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		72,523,342,462	72,523,342,462
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124,649,605,344	119,736,572,362
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		119,736,572,362	119,736,572,362
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4,913,032,982	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,626,447,554,455	1,649,054,273,369

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoa Sen

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc



SERGEI SAVRUKHIN

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	127,594,646,750	241,780,296,786	440,812,201,016	711,986,738,092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		127,594,646,750	241,780,296,786	440,812,201,016	711,986,738,092
4. Giá vốn hàng bán	11	13	110,680,065,275	219,335,473,467	374,028,505,892	638,547,402,913
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16,914,581,475	22,444,823,319	66,783,695,124	73,439,335,179
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	182,586,306	1,235,697,991	2,204,805,249	5,043,396,927
7. Chi phí tài chính	22	15	7,294,819,877	14,082,665,739	35,842,580,632	39,222,147,476
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,292,679,221	12,603,350,442	34,810,020,725	36,996,650,705
8. Chi phí bán hàng	25	16	830,013,817	1,262,799,413	3,915,727,628	3,973,289,790
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	8,942,929,844	11,639,280,872	27,563,682,277	34,389,454,748
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29,404,243	(3,304,224,714)	1,666,509,836	897,840,092
11. Thu nhập khác	31	18	1,926,916,899	4,116,321,400	4,660,881,626	5,018,894,859
12. Chi phí khác	32	19	112,669,635	597,956,210	186,100,235	2,001,395,420
13. Lợi nhuận khác	40		1,814,247,264	3,518,365,190	4,474,781,391	3,017,499,439
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,843,651,507	214,140,476	6,141,291,227	3,915,339,531
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		368,730,301	42,828,095	1,228,258,245	783,067,906
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,474,921,206	171,312,381	4,913,032,982	3,132,271,625
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Trần Thị Hoa Sen

SERGEI SAVRUKHIN

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm 2017**Đơn vị tính: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	5	6
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		570,353,651,413	814,762,147,675
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(444,358,657,513)	(635,199,899,445)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(58,776,245,909)	(78,064,576,800)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(31,593,112,304)	(36,268,715,705)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1,300,000,000)	(3,749,030,441)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		92,675,761,362	12,582,266,022
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(82,919,260,524)	(73,026,171,025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44,082,136,525	1,036,020,281
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3,116,233,538)	(13,236,206,803)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		4,021,269,000	181,400,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20,060,586,648)	(77,600,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9,700,000,000	77,600,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		902,551,000	1,400,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		515,003,293	289,334,360
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8,037,996,893)	(11,365,472,443)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		167,560,000,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		415,088,678,250	552,172,242,168
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(630,805,855,731)	(548,470,337,403)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48,157,177,481)	3,701,904,765
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(12,113,037,849)	(6,627,547,397)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14,710,272,248	11,616,540,196
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2,597,234,399	4,988,992,799

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2017


Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Trâm



Trần Thị Hoa Sen



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6
SERGEI SAVRUKHIN

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc,...); sản xuất các loại vật liệu xây dựng; xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; xây dựng các công trình công nghiệp; dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa và chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm: chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nồi trộn bê tông, chi phí trang trí nội thất. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 05 năm.

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 240 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty chỉ có phương tiện vận tải, truyền dẫn. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính này từ 05 đến 08 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập từ 02% - 05% tùy theo cam kết với khách hàng.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền mặt	19,324	510,694,039
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,592,824,172	3,525,135,983
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	1,004,390,903	953,162,777
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	1,004,390,903	953,162,777
- Kỳ phiếu ngân hàng	-	-
- Tín phiếu kho bạc	-	-
Cộng	<u>2,597,234,399</u>	<u>4,988,992,799</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Kỳ này</u>		<u>Kỳ trước</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000
Trái phiếu	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3,000,000,000</u>	<u>3,000,000,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu khác

3a. Phải thu ngắn hạn khác

	Kỳ này		Kỳ trước	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	16,986,385,275	-	7,465,422,423	-
Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Phải thu tạm ứng	4,832,290,818		1,265,422,423	
Ông Savrukhin Sergei - Phải thu tạm ứng	3,029,680,524			
Ông Trịnh Thanh Huy - Phải thu về chuyển nhượng vốn	6,200,000,000	-	6,200,000,000	-
Ông Trịnh Thanh Huy - Phải thu về tiền lãi vay	1,163,461,667			
Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Nghiệp - phải thu tiền lãi vay	1,760,952,266			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	260,771,547,619	(31,885,657,694)	198,549,620,537	(2,196,504,179)
Công ty CP Xây Dựng 620 - Bến Tre - Vay hộ và cổ tức phải thu	2,196,504,179	(2,196,504,179)	2,196,504,179	(2,196,504,179)
Lãi dự thu tiền cho vay - Công ty TNHH 3D Long Hậu	29,689,153,515	(29,689,153,515)	32,923,232,849	-
Chuyển nhượng vốn - Công ty cổ phần đầu tư VBA			31,700,000,000	-
Chuyển nhượng vốn - Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng và xi măng HB	59,805,200,000			
Chuyển nhượng vốn - Ông Vũ Đức Lợi	56,700,000,000			
Chuyển tiền theo hợp đồng hợp tác đầu tư với công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt	94,590,848,000		94,590,848,000	
Tạm ứng	3,425,948,764		26,295,560,754	
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	4,639,408,634		1,302,561,890	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9,724,484,527		9,540,912,865	
Cộng	277,757,932,894	(31,885,657,694)	206,015,042,960	(2,196,504,179)

3b. Phải thu dài hạn khác

	Kỳ này		Kỳ trước	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4,163,540,288	-	556,032,000	-
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
Tiền lãi cho vay	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	4,163,540,288	-	556,032,000	-
Cho mượn	-	-	-	-
Các khoản chi hộ	-	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	4,163,540,288	-	556,032,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

	Kỳ này		Kỳ trước	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	22,503,257,416	(1,192,465,184)	37,935,226,896	(1,192,465,184)
Công cụ, dụng cụ	452,102,033	-	852,274,166	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	175,307,591,185	-	225,042,697,090	-
Thành phẩm	103,919,623,098	(2,314,806,206)	140,384,905,224	(2,314,806,206)
Hàng hóa	17,507,063,091	-	23,300,540,288	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	319,689,636,823	(3,507,271,390)	427,515,643,664	(3,507,271,390)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Kỳ này	Kỳ trước
Nguyên liệu, vật liệu	1,192,465,184	1,192,465,184
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	2,314,806,206	2,314,806,206
Hàng hóa	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Cộng	3,507,271,390	3,507,271,390

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3,507,271,390	3,507,271,390
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Tăng khác	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	3,507,271,390	3,507,271,390



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5a. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					-
Số đầu năm	2,771,403,716	73,279,787,678	33,665,944,323	3,095,058,081	112,812,193,798
Mua trong năm		1,666,300,000	-	-	1,666,300,000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4,452,087,524)	(7,667,400,944)	-	(12,119,488,468)
Số cuối kỳ	2,771,403,716	70,494,000,154	25,998,543,379	3,095,058,081	102,359,005,330
Giá trị hao mòn					-
Số đầu năm	1,977,678,631	58,647,165,745	30,227,676,085	3,066,575,415	93,919,095,876
Khấu hao trong năm	91,494,483	3,722,223,435	1,607,133,547	9,487,000	5,430,338,465
Thanh lý, nhượng bán	-	(4,452,087,524)	(7,298,863,301)	-	(11,750,950,825)
Số cuối kỳ	2,069,173,114	57,917,301,656	24,535,946,331	3,076,062,415	87,598,483,516
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	793,725,085	14,632,621,933	3,438,268,238	28,482,666	18,893,097,922
Số cuối kỳ	702,230,602	12,576,698,498	1,462,597,048	18,995,666	14,760,521,814

5b. Tài sản cố định vô hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			-
Số đầu năm	1,376,685,762	43,178,503,946	44,555,189,708
Mua trong kỳ	1,122,000,000	9,098,711,994	10,220,711,994
Số cuối kỳ	2,498,685,762	52,277,215,940	54,775,901,702
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	45,889,526	1,098,014,269	1,143,903,795
Khấu hao trong kỳ	246,574,293	4,961,774,040	5,208,348,333
Số cuối kỳ	292,463,819	6,059,788,309	6,352,252,128
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1,330,796,236	42,080,489,677	43,411,285,913
Số cuối kỳ	2,206,221,943	46,217,427,631	48,423,649,574

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này	Kỳ trước
Mua sắm tài sản cố định		2,930,687,282
Xây dựng cơ bản dở dang	139,802,934,767	51,672,456,811
- Công trình mở rộng bãi ã	8,586,545,434	8,586,545,434
- Công trình Nhà máy Beton 6 Long Hậu - tại Khu Công Nghiệp Long Hậu, Long An	26,472,583,619	26,472,583,619
- Dự án nhà ở Châu Thờ	407,245,773	407,245,773
- Nhà xưởng Segment	62,728,083,658	16,206,081,985
- Hạng mục xây dựng sân ã và bãi chứa sản phẩm C6+C7	27,436,038,430	
- Hạng mục xây dựng sân ã C1-C4	14,172,437,853	
Cộng	139,802,934,767	54,603,144,093

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí sửa chữa	1,338,278,697	697,526,963
Chi phí tư vấn lập dự án		1,650,000,000
Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép	3,470,940,000	4,207,200,000
Dự án Segment	-	6,538,521,968
Sửa chữa cải tạo trung tâm đào tạo	1,551,008,479	2,326,512,727
Khác	497,991,928	361,593,491
Cộng	6,858,219,104	15,781,355,149

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Kỳ này</u>		<u>Kỳ trước</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8,997,042,837	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1,326,300	-	1,326,300
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,587,723,105	-	774,928,212	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1,625,894,948	-	341,333,195	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Tiền thuê đất	1,425,849,282	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	14,636,510,172	1,326,300	1,116,261,407	1,326,300

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Vay và nợ thuê tài chính**10a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Kỳ này		Kỳ trước	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	22,741,000,000	22,741,000,000	5,300,000,000	5,300,000,000
Công ty cổ phần xây dựng Công Nghiệp	13,447,000,000	13,447,000,000	2,300,000,000	2,300,000,000
Công ty cổ phần TM Cung Ứng Vật Liệu Aurora	6,094,000,000	6,094,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty cổ phần xây dựng đầu tư HB	3,200,000,000	3,200,000,000	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	337,841,574,672	337,841,574,672	599,809,531,532	599,809,531,532
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN/TPHCM	183,295,342,667	183,295,342,667	244,095,109,033	244,095,109,033
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN TP HCM	63,397,934,721	63,397,934,721	65,963,048,635	65,963,048,635
Ngân hàng TNHH Indovina	-	-	185,329,906,777	185,329,906,777
Ngân hàng Vietcombank chi nhánh TP.HCM	65,615,715,716	65,615,715,716	91,172,482,305	91,172,482,305
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	24,032,581,568	24,032,581,568	13,248,984,782	13,248,984,782
Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm 620	1,500,000,000	1,500,000,000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	10,592,519,575	10,592,519,575	925,692,574	925,692,574
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN/TPHCM	-	-	-	-
Ngân hàng TNHH Indovina	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	37,836,000	37,836,000	37,836,000	37,836,000
Thuê tài chính	10,554,683,575	10,554,683,575	887,856,574	887,856,574
Cộng	371,175,094,247	371,175,094,247	606,035,224,106	606,035,224,106

10b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Kỳ này		Kỳ trước	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	24,643,166,465	24,643,166,465	6,573,698,903	6,573,698,903
Thuê tài chính dài hạn	24,416,182,465	24,416,182,465	6,195,370,903	6,195,370,903
Thuê tài chính	24,416,182,465	24,416,182,465	6,195,370,903	6,195,370,903
Vay dài hạn ngân hàng	226,984,000	226,984,000	378,328,000	378,328,000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	226,984,000	226,984,000	378,328,000	378,328,000
Cộng	24,643,166,465	24,643,166,465	6,573,698,903	6,573,698,903

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	329,935,500,000	(559,957,325)	72,523,342,462	111,077,596,215	512,976,481,352
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	8,658,976,147	8,658,976,147
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	329,935,500,000	(559,957,325)	72,523,342,462	119,736,572,362	521,635,457,499
Số dư đầu năm nay	329,935,500,000	(559,957,325)	72,523,342,462	119,736,572,362	521,635,457,499
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	4,913,032,982	4,913,032,982
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm kỳ này	329,935,500,000	(559,957,325)	72,523,342,462	124,649,605,344	526,548,490,481

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

12a. Tổng doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hoạt động xây dựng	28,707,553,643	66,775,571,432
Doanh thu sản phẩm bê tông	79,931,877,910	157,520,192,381
Doanh thu khác	18,955,215,197	17,484,532,973
Cộng	<u>127,594,646,750</u>	<u>241,780,296,786</u>

12b. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chiết khấu thương mại	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

13. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hoạt động xây dựng	32,400,022,845	58,309,624,471
Giá vốn của sản phẩm bê tông	69,904,328,818	139,783,189,971
Giá vốn khác	8,375,713,612	21,242,659,025
Cộng	<u>110,680,065,275</u>	<u>219,335,473,467</u>

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	46,994,817	1,203,020,001
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	31,620,889	30,484,385
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	56,041,000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47,929,600	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		2,193,605
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Cộng	<u>182,586,306</u>	<u>1,235,697,991</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	7,292,679,221	12,773,795,643
Lãi mua hàng trả chậm		1,307,920,793
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2,140,656	949,303
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-
Chi phí tài chính khác		-
Cộng	<u>7,294,819,877</u>	<u>14,082,665,739</u>

16. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	793,925,681	1,090,775,990
Chi phí dịch vụ mua ngoài		-
Chi phí khác	36,088,136	172,023,423
Cộng	<u>830,013,817</u>	<u>1,262,799,413</u>

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136,481,157	329,928,380
Chi phí nhân công	3,240,441,973	3,437,645,666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,162,333	6,320,334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99,830,794	107,850,780
Chi phí khác	5,463,013,587	7,757,535,712
Cộng	<u>8,942,929,844</u>	<u>11,639,280,872</u>

18. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	1,926,916,899	500,000,000
Hàng bán bị trả lại		
Chiết khấu		3,616,321,400
Các khoản thu nhập khác		
Cộng	<u>1,926,916,899</u>	<u>4,116,321,400</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hàng bán bị trả lại		
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	68,669,635	26,947,422
Chi phí quyết toán công trình		
Chi phí phạt chậm nộp thuế		131,840,380
Chi phí đền bù		
Chi phí ban điều hành		
Thanh lý tài sản cố định		438,690,478
Các khoản phí khác	44,000,000	477,930
Cộng	<u>112,669,635</u>	<u>597,956,210</u>

20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51,022,093,922	92,478,566,973
Chi phí nhân công	18,293,827,979	29,807,357,818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,593,132,218	2,703,537,319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	584,046,908	912,213,891
Chi phí khác	34,770,074,236	78,353,470,256
Cộng	<u>108,263,175,263</u>	<u>204,255,146,257</u>

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ HOA SEN

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

SERGEI SAVRUKHIN